|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG AN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/TT-BCA | *Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2024* |

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước**

*Căn cứ Luật Căn cước ngày 27 tháng 11 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;*

*Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư* *Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước, gồm các nội dung sau:

1. Tiếp nhận và xử lý thông tin về căn cước của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

2. Nội dung thể hiện trên thẻ căn cước đối với thông tin về nơi cư trú;

3. Cấp, cấp đổi, cấp lại căn cước cho các trường hợp không có hoặc không thu nhận được đầy đủ thông tin quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 18 Luật căn cước;

4. Xác nhận thông tin số Chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân; số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại;

5. Tổ chức thu nhận hồ sơ cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước lưu động trong trường hợp cần thiết;

6. Quyền và trách nhiệm của công dân khi sử dụng ứng dụng định danh quốc gia;

7. Biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước, tàng thư căn cước và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Công an các đơn vị, địa phương.

2. Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến cấp, quản lý thẻ căn cước, căn cước điện tử, giấy chứng nhận căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

**Chương II  
MỘT SỐ NỘI DUNG QUY ĐỊNH VỀ**

**CÔNG TÁC CẤP, QUẢN LÝ THẺ CĂN CƯỚC**

**Điều 3. Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về căn cước của cơ quan, tổ chức, cá nhân**

1. Cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân về căn cước và xử lý thông tin đó theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Thông tin phản ánh về căn cước của cơ quan, tổ chức, cá nhân được tiếp nhận thông qua các hình thức dưới đây:

a) Trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước;

b) Điện thoại, đường dây nóng do cơ quan quản lý căn cước thông báo hoặc niêm yết;

c) Hòm thư góp ý, hộp thư điện tử do cơ quan quản lý căn cước thông báo hoặc niêm yết;

d) Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Công an, trang thông tin điện tử của Công an các đơn vị, địa phương;

đ) Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID);

e) Qua phương tiện thông tin đại chúng.

3. Các thông tin phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về căn cước phải được cơ quan quản lý căn cước ghi lại, trong đó thể hiện rõ thời gian, địa điểm xảy ra, nội dung, diễn biến liên quan đến tổ chức, cá nhân nào. Khi cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh thông tin trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước, qua điện thoại, đường dây nóng thì yêu cầu cá nhân cung cấp họ, chữ đệm và tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ để cơ quan quản lý căn cước có văn bản trả lời khi cần thiết.

Cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm giữ bí mật đối với thông tin phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp được yêu cầu giữ bí mật.

**Điều 4. Nội dung thể hiện trên thẻ căn cước đối với thông tin về nơi cư trú**

1. Thông tin nơi cư trú thể hiện trên thẻ căn cước là thông tin nơi thường trú của người được cấp thẻ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Trường hợp người đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước không có nơi thường trú nhưng có nơi tạm trú thì thông tin nơi cư trú thể hiện trên thẻ căn cước là thông tin nơi tạm trú của người được cấp thẻ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

3. Trường hợp người đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước không có nơi thường trú, nơi tạm trú do không đủ điều kiện đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thì thông tin nơi cư trú thể hiện trên thẻ căn cước là thông tin nơi ở hiện tại của người được cấp thẻ đã được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

4. Trường hợp người đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước không có thông tin về nơi cư trú trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì Cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú hoặc khai báo thông tin về cư trú.

**Điều 5. Giải quyết một số trường hợp không có hoặc không thu nhận được đầy đủ thông tin trên thẻ căn cước**

1. Trường hợp thông tin về dân tộc, tôn giáo không có hoặc đã được thu thập nhưng công dân đề nghị cập nhật, điều chỉnh thì cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Luật Căn cước.

Thông tin dân tộc, tôn giáo được cập nhật, điều chỉnh phải thuộc danh mục dân tộc, tôn giáo được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc công nhận.

2. Trường hợp thông tin nơi sinh, nơi đăng ký khai sinh, quê quán không có hoặc không thu thập được đầy đủ địa danh hành chính cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh thì cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm yêu cầu người dân xuất trình giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp thể hiện các thông tin trên để cập nhật, điều chỉnh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu do người dân cung cấp không thể hiện hoặc thể hiện không đầy đủ địa danh hành chính cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh thì Cơ quan quản lý căn cước yêu cầu người dân cung cấp thông tin và có văn bản cam kết đối với các thông tin đã cung cấp. Cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý hộ tịch kiểm tra, xác minh trước khi cập nhật, điều chỉnh để bảo đảm tính chính xác, thống nhất.

**Điều 6. Tổ chức thu nhận hồ sơ cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước lưu động trong trường hợp cần thiết**

1. Cơ quan quản lý căn cước tổ chức cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước tại cơ quan, tổ chức khi có văn bản đề nghị và cơ quan quản lý căn cước có đủ điều kiện về phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, nguồn nhân lực thực hiện.

2. Cơ quan quản lý căn cước tổ chức cấp thẻ căn cước tại chỗ ở của công dân đối với trường hợp người già yếu, bệnh tật, ốm đau, khuyết tật không thể đi lại và cơ quan quản lý căn cước có đủ điều kiện về phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, nguồn nhân lực thực hiện.

**Điều 7. Xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân; số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại**

1. Thông tin số chứng minh nhân dân 9 số được mã hóa, tích hợp trong mã QRcode trên thẻ căn cước. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quét mã và truy xuất thông tin về số chứng minh nhân dân 9 số của công dân khi có yêu cầu khai thác, sử dụng phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công, các giao dịch và hoạt động khác.

2. Công dân yêu cầu xác nhận thông tin số chứng minh nhân dân 9 số với số định danh cá nhân; số định danh cá nhân đã hủy với số định danh cá nhân đã xác lập lại trực tiếp tại Cơ quan quản lý căn cước nơi công dân cư trú hoặc gửi yêu cầu qua cổng dịch vụ công quốc gia, cổng dịch vụ công Bộ Công an hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia.

3. Trường hợp thông tin số chứng minh nhân dân 9 số, số định danh cá nhân đã hủy và được xác lập lại được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan quản lý căn cước nơi công dân cư trú có trách nhiệm cấp xác nhận thông tin về số chứng minh nhân dân 9 số, số định danh cá nhân.

4. Trường hợp thông tin số chứng minh nhân dân 9 số chưa được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan quản lý căn cước nơi công dân cư trú có trách nhiệm tra cứu, xác minh để cấp xác nhận thông tin về số chứng minh nhân dân 9 số, số định danh cá nhân.

Trường hợp từ chối cấp xác nhận thì trả lời công dân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Điều 8. Quyền và trách nhiệm của công dân khi sử dụng ứng dụng định danh quốc gia**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền:

a) Được bảo vệ bí mật thông tin cá nhân, thông tin tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử và thông tin theo quy định của pháp luật.

b) Yêu cầu cơ quan quản lý ứng dụng định danh quốc gia chỉ sử dụng thông tin dữ liệu cá nhân vào mục đích quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Được sử dụng các dịch vụ, tiện ích được tích hợp trên ứng dụng để thực hiện giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công, các giao dịch và hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

a) Không được sử dụng tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử vào hoạt động, giao dịch trái quy định của pháp luật; xâm phạm đến an ninh, quốc phòng, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

b) Không được can thiệp trái phép vào hoạt động của hệ thống định danh và xác thực điện tử.

c) Chịu trách nhiệm về bất kỳ giao dịch hoặc hoạt động nào được thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử của công dân và các dịch vụ trực tuyến sử dụng đến tài khoản.

**Chương III**

**BIỂU MẪU SỬ DỤNG TRONG CẤP, QUẢN LÝ THẺ**

**CĂN CƯỚC, GIẤY CHỨNG NHẬN CĂN CƯỚC; THU THẬP,**

**CẬP NHẬT, ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU**

**QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ, CƠ SỞ DỮ LIỆU CĂN CƯỚC**

**Điều 9. Biểu mẫu sử dụng trong cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước**

Các biểu mẫu được sử dụng trong cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước (ký hiệu là CC), bao gồm:

1. Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01);

Mẫu CC01 do Cơ quan quản lý căn cước nơi tiếp nhận hồ sơ cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước tạo lập trên cơ sở trích xuất thông tin của công dân, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam (sau đây gọi là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước. Sau khi đối chiếu thông tin của công dân, mẫu CC01 được in trực tiếp từ hệ thống để công dân, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch kiểm tra, xác định tính chính xác của thông tin trên phiếu và ký xác nhận.

2. Giấy hẹn trả thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước (Mẫu CC02);

Mẫu CC02 do Cơ quan quản lý căn cước nơi tiếp nhận hồ sơ cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước tạo lập, cấp cho công dân, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch để hẹn ngày trả thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước. Mẫu CC02 được in trực tiếp từ hệ thống sau khi hoàn thiện thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

3. Giấy thông báo về việc từ chối cấp thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước (Mẫu CC03);

Mẫu CC03 do Cơ quan quản lý căn cước nơi tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước lập để thông báo cho công dân, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch về việc từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ cấp căn cước, giấy chứng nhận căn cước và được in trực tiếp từ hệ thống.

4. Giấy xác nhận số định danh cá nhân với số chứng minh nhân dân 9 số, số định danh cá nhân đã hủy (Mẫu CC04);

Mẫu CC04 do cơ quan quản lý căn cước nơi tiếp nhận hồ sơ cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước cấp cho công dân để xác nhận thông tin trên thẻ căn cước/căn cước công dân đang sử dụng với thông tin trên chứng minh nhân dân (9 số), thẻ căn cước/căn cước công dân có số định danh cá nhân đã hủy. Mẫu CC04 được in trực tiếp từ hệ thống.

5. Biên bản thu hồi thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước; giữ, trả thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước (Mẫu CC05).

Mẫu CC05 do cơ quan có thẩm quyền lập đối với các trường hợp công dân bị thu hồi thẻ căn cước, Giấy chứng nhận căn cước hoặc giữ và trả thẻ căn cước, thẻ căn cước, Giấy chứng nhận căn cước.

**Điều 10. Biểu mẫu sử dụng trong thu thập, cập nhật, điều chỉnh, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước**

Các biểu mẫu được sử dụng trong thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (ký hiệu là DC), bao gồm:

1. Phiếu thu thập thông tin dân cư (Mẫu DC01);

Mẫu DC01 được dùng cho công dân, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch kê khai thông tin nhân thân của mình để thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Phiếu đề nghị xác nhận, khai thác, cập nhật, điều chỉnh, tích hợp thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước (Mẫu DC02);

Mẫu DC02 được sử dụng khi công dân, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đề nghị cơ quan quản lý căn cước thực hiện thủ tục Xác nhận, khai thác, cập nhật, điều chỉnh, tích hợp thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

3. Phiếu cung cấp thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước (Mẫu DC03);

Mẫu DC03 do cơ quan quản lý căn cước lập khi cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị khai thác thông tin của cá nhân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước.

**Điều 11. Quản lý các biểu mẫu**

1. Các biểu mẫu được in trên khổ giấy 210 mm x 297 mm (A4); Mẫu DC01 và mẫu DC03 được in 02 mặt. Các biểu mẫu CC01, CC02, CC03, CC04, DC03 được tích hợp trong phần mềm và in trực tiếp từ hệ thống.

2. Mẫu được in ra đã bao gồm các thông tin được trích xuất, thống kê từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước theo phạm vi lưu trữ của từng đơn vị. Đối với biểu mẫu có số thì số của biểu mẫu đó được cơ quản lý căn cước ghi theo thứ tự tăng dần, bắt đầu từ số 01 vào ngày đầu năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Tùy theo nhu cầu, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể yêu cầu cơ quan quản lý căn cước cấp bản điện tử, bản sao điện tử kết quả giải quyết thủ tục về căn cước (bao gồm biểu mẫu CC04, DC03) theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

4. Các biểu mẫu quy định tại Thông tư này được in bằng mực đen trên nền giấy trắng. Khi in không được thay đổi nội dung của biểu mẫu; Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm quản lý việc in, cấp phát biểu mẫu và có sổ sách theo dõi.

**Điều 12. Kinh phí in, phát hành biểu mẫu**

1. Kinh phí in, phát hành biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý thẻ căn cước, Giấy chứng nhận căn cước, tàng thư căn cước, cư trú và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được sử dụng từ nguồn kinh phí thường xuyên của Bộ Công an cấp cho Công an các đơn vị, địa phương.

2. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội chủ trì, phối hợp với Cục Kế hoạch và Tài chính, các đơn vị có liên quan lập dự trù kinh phí in, phát hành và giấy in biểu mẫu sử dụng tại Công an các địa phương và Trung tâm Dữ liệu quốc gia về dân cư.

Tháng 9 hàng năm, Công an các đơn vị, địa phương lập dự trù nhu cầu sử dụng biểu mẫu của đơn vị, địa phương mình cho năm tiếp theo gửi Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội để tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Bộ Công an.

3. Công an các đơn vị, địa phương lập dự trù kinh phí in, phát hành biểu mẫu sử dụng trong công tác cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước, tàng thư căn cước và thu thập, cập nhật, điều chỉnh, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước.

4. Việc quản lý, cấp phát, sử dụng, thanh, quyết toán kinh phí bảo đảm cho quản lý, sử dụng biểu mẫu trong công tác cấp, quản lý thẻ căn cước, Giấy chứng nhận căn cước, tàng thư căn cước, cư trú và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư từ ngân sách nhà nước phải thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**Chương IV**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG AN CÁC ĐƠN VỊ,**

**ĐỊA PHƯƠNG TRONG CÔNG TÁC CẤP, QUẢN LÝ THẺ**

**CĂN CƯỚC, GIẤY CHỨNG NHẬN CĂN CƯỚC**

**Điều 13. Trách nhiệm của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội**

1. Tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật về căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Công an các đơn vị, địa phương trong việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, triển khai thực hiện công tác về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Công an các đơn vị, địa phương trong việc triển khai thu thập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; sản xuất, cấp và quản lý thẻ căn cước;

3. Quản lý, khai thác, kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, Hệ thống định danh và xác thực điện tử.

4. Tổ chức sản xuất, thống nhất quản lý thẻ căn cước; phối hợp với Cục Kế hoạch và tài chính, Cục Trang bị và kho vận, Viện Khoa học và công nghệ và các đơn vị có liên quan để bảo đảm kinh phí sản xuất, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước, trang cấp vật tư, phương tiện, biểu mẫu phục vụ công tác cấp thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

5. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến công tác cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước, theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện hợp tác quốc tế trong công tác liên quan đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Sơ kết, tổng kết, thống kê về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; cấp, quản lý thẻ căn cước.

**Điều 14. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ Công an**

1. Cục Tổ chức cán bộ, Cục Đào tạo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội đảm bảo số lượng, chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; công tác cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

2. Cục Kế hoạch và tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội bố trí kinh phí thường xuyên, đột xuất phục vụ duy trì hoạt động của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

3. Cục Công nghệ thông tin, Viện Khoa học và công nghệ, Cục Viễn thông và cơ yếu có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội hướng dẫn, đảm bảo cho Công an các đơn vị, địa phương về kỹ thuật, công nghệ, bảo mật thông tin trong xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

4. Cục Hậu cần, Cục Trang bị và kho vận có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội hướng dẫn, đảm bảo cho Công an các đơn vị, địa phương về vật tư, trang thiết bị trong quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, cấp, quản lý Căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

5. Các đơn vị khác thuộc Bộ Công an căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trong công tác liên quan đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

**Điều 15. Trách nhiệm của Công an cấp tỉnh**

1. Trực tiếp thực hiện và tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, quản lý căn cước.

2. Tổ chức thu thập, cập nhật, chuẩn hóa, số hóa, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, quản lý thẻ căn cước, cấp, quản lý giấy chứng nhận căn cước.

3. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước trong phạm vi quản lý.

4. Báo cáo định kỳ về công tác quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; công tác cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước tại địa bàn quản lý về Bộ Công an.

**Điều 16. Trách nhiệm của Công an cấp huyện**

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Công an cấp xã về thu thập thông tin về công dân, người gốc Việt Nam chưa xác định đươc quốc tịch vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

2. Tổ chức thu thập, cập nhật, chuẩn hóa, số hóa, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; quản lý thẻ căn cước, quản lý giấy chứng nhận căn cước.

3. Tổ chức thực hiện công tác thu nhận hồ sơ đề nghị cấp thẻ căn cước, Giấy chứng nhận căn cước, kiểm tra việc sử dụng thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước của công dân, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Cơ sở dữ liệu căn cước; cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước theo quy định của pháp luật.

5. Báo cáo định kỳ về công tác quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước theo quy định.

**Điều 17. Trách nhiệm của Công an cấp xã**

1. Thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin về công dân, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Nắm tình hình, thống kê, rà soát công dân, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch chưa được cấp Căn cước, giấy chứng nhận căn cước; phối hợp với Công an cấp trên trong tổ chức thu nhận hồ sơ cấp Căn cước, Giấy chứng nhận căn cước tại địa bàn.

3. Tổ chức kiểm tra việc sử dụng thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước trong phạm vi địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật.

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 18. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2024 và thay thế Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 05 năm 2021 Quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021.

**Điều 19. Trách nhiệm thi hành**

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) để có hướng dẫn kịp thời./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;  - Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an;  - Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  - Công báo, Cổng Thông tin điện tử Bộ Công an;  - Lưu: VT, C06 (TTDLDC). | **BỘ TRƯỞNG**  **Đại tướng Tô Lâm** |